TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023
V/v "tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Quách Trung Sơn**
2. Ông **Trần Văn Nhu**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Luông**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Út** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 621/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu Q**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 108, tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Số 108 tổ 10, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Q và anh D có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Tờ tự khai và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc D do mai mối tiến tới hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng cách lớn về tuổi tác dẫn đến việc vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Nay chị Q xin ly hôn với anh D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09/01/2023 và lời khai tại Tòa bị đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Con chung và nợ chung: Không có. Anh không đồng ý ly hôn với chị Q do anh còn thương vợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q vì anh còn thương vợ. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh D đều trình bày thống nhất là anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn C vào năm 2013. Tại phiên tòa chị Q xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng cách lớn về tuổi tác dẫn đến việc vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D không quan tâm đến cuộc sống gia đình và anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Anh D không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa chị Q và anh D là ngắn. Sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì và trong các buổi hòa giải thì anh D vắng mặt. Mặt khác, tại phiên tòa anh D không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào thiết thực, thuyết phục chị Q để vợ chồng hàn gắn, sắp xếp mâu thuẫn gia đình dung hòa cuộc sống chung trong khi đó bản thân chị Q đã xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ với anh D, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Từ các phân tích trên xác định cuộc sống hôn nhân của chị Q và anh D đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Q và anh D cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị Q và anh D cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị Q và anh D cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Q.

Cho chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Q đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0010319 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như chị Q đã thi hành xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND Thị trấn C,
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm